

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 15 - 6 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21A/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số X, phố L, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T - Giám đốc phòng giao dịch huyện K - Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Đ.

(Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C).

Địa chỉ: Số 01 N, tổ dân phố Y, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Y B Bdap, sinh năm 1984 và bà H B Niê, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Buôn D, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Bùi Quang T trình bày:***

Vợ chồng bà H B Niê và ông Y B Bdap có vay của Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K (viết tắt là Ngân hàng) theo các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 6600000711130976, ngày 19/09/2017, số tiền vay 30.000.000 đồng theo Chương trình cho vay Hộ sản xuất vùng khó khăn, lãi suất 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 48 tháng và hạn trả nợ gốc ngày 19/9/2021. Định kỳ trả 12 tháng trả một lần số tiền gốc là 7.500.000

đồng, lãi trả hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà H B Niê, ông Y B Bdap vi phạm nghĩa vụ trả nợ không trả khoản nợ gốc nào và mới trả một phần tiền lãi cho Ngân hàng. Dư nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày 15/6/2021 là 4.904.932 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 6600000712184869, ngày 19/3/2018, số tiền vay 12.000.000 đồng theo Chương trình cho vay Hộ nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất 9%/ năm (0.75%/tháng), lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng và hạn trả nợ gốc ngày 19/3/2023. Định kỳ trả 06 tháng trả một lần số tiền gốc là 1.200.000 đồng, lãi trả hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà H B Niê, ông Y B Bdap vi phạm nghĩa vụ trả nợ không trả khoản nợ gốc nào và mới trả một phần tiền lãi cho Ngân hàng. Dư nợ gốc 12.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 15/6/2021 là 2.029.971 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H B Niê, ông Y B Bdap phải trả cho Ngân hàng tổng cộng nợ gốc của 02 khoản vay là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của hai hợp đồng tính đến 15/6/2021 là 6.934.903 đồng.

** Bị đơn bà H B Niê trình bày:*

Vào ngày 19/9/2017, vợ chồng bà H B Niê, ông Y B Bdap có ký hợp đồng tín dụng số 6600000711130976 với Ngân hàng vay số tiền 30.000.000 đồng theo Chương trình cho vay Hộ sản xuất vùng khó khăn, lãi suất 0.75%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 48 tháng và hạn trả nợ gốc ngày 19/9/2021. Định kỳ trả 12 tháng trả một lần số tiền gốc là 7.500.000 đồng, lãi trả hàng tháng.

Ngày 19/3/2018, vợ chồng bà H B Niê, ông Y B Bdap có ký hợp đồng tín dụng số 6600000712184869 với Ngân hàng vay số tiền 12.000.000 đồng theo Chương trình cho vay Hộ nước sạch vệ sinh môi trường, lãi suất 9%/năm (0.75%/tháng), lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng và hạn trả nợ gốc ngày 19/3/2023. Định kỳ trả 06 tháng trả một lần số tiền gốc 1.200.000 đồng, lãi trả hàng tháng.

Đến nay đã quá hạn trả nợ gốc định kỳ và lãi nhưng do kinh tế gia đình quá khó khăn nên vợ chồng ông bà chưa trả được nợ gốc đối với 02 khoản vay trên, còn tiền lãi mới trả được một phần. Hiện nay ông bà còn nợ Ngân hàng tiền gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến nay chưa trả. Nguyên vọng của bà H B Niê xin Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà trả dần tiền lãi còn tiền gốc vợ chồng bà trả sau.

Đối với bị đơn ông Y B Bdap, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Y B Bdap theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt nên không tiến hành làm việc được.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H B Niê, ông Y B Bdap phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 15/6/2021 là 6.934.903 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện đòi nợ cho nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại Buôn D, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H B Niê, ông Y B Bdap phải trả khoản tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng 6600000711130976 và hợp đồng tín số số 6600000712184869 với tổng số tiền là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 15/6/2021 là 6.934.903 đồng mà Ngân hàng cho rằng vợ chồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng

g đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2]. Bị đơn thừa nhận ngày 19/9/2017 có ký hợp đồng tín số 6600000711130976 với Ngân hàng vay số tiền 30.000.000 đồng và ngày 19/3/2018 có ký hợp đồng tín số 6600000712184869 với Ngân hàng vay số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị đơn không trả được nợ gốc định kỳ và lãi suất mới trả được một phần. Nay Ngân hàng khởi kiện, nguyện vọng của bị đơn xin được trả lãi, còn tiền gốc trả sau.

[2.3]. Xét hai hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Các bên đương sự có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự cho nên việc vợ chồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện bị đơn để đòi nợ là có căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bị đơn bà H B Niê, ông Y B Bdap phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 48.934.903 đồng, trong đó tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng tổng cộng là 42.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 6.934.903 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày bị đơn trả xong nợ cho Ngân hàng.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.446.745 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bà H B Niê, ông Y B Bdap phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền là 48.934.903 đồng (*Bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn chín trăm lẻ ba đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 6.934.903 đồng.

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/6/2021 theo các Hợp đồng tín dụng số 6600000711130976, ký kết ngày 19/09/2017 và Hợp đồng tín dụng số 6600000712184869, ký kết ngày 19/3/2018 cho đến ngày bị đơn bà H B Niê, ông Y B Bdap trả xong nợ cho Ngân hàng.

[3]. Về án phí: Bị đơn bà H B Niê, ông Y B Bdap phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.446.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Thành